

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cung

Bà Lê Thị Thu lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992, có mặt

Địa chỉ: Thôn Ch, xã C, huyện V, tỉnh B

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã C1, huyện V, tỉnh B

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước H1, sinh năm 1991, có mặt

Địa chỉ: Thôn Ch, xã C, huyện V, tỉnh B

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXH); Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Tr - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền số 85/NHCS ngày 16/4/2021), vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/3/2021, bản tự khai ngày 09/4/2021, biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2021, trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Phước H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đến UBND xã C, huyện V, tỉnh B đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một năm. Từ tháng 4/2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H1 không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung. Trong khi chị và mẹ chồng sống không hòa hợp thì anh H1 lại nghe lời mẹ thường xuyên có những lời lẽ hăm dọa, chửi bới, xúc phạm chị. Anh H1 thường xuyên nhậu nhẹt với bạn bè, bỏ mặc chị đau ốm không lo. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị đã dọn đồ về nhà mẹ đẻ ở C1 sinh sống cho đến nay. Hiện tại, chị và anh H1 đã sống ly thân gần 5 tháng. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phước H1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Trần Quốc V, sinh ngày 20/01/2018. Vì con chung còn rất nhỏ, cần có mẹ chăm sóc và chị là người trực tiếp chăm sóc con từ khi sinh ra đến nay. Hiện tại chị làm công việc nhận hàng đơn mỳ từ bà Nguyễn Thị Thúy H2 ở địa chỉ xóm 2, thôn H, xã C1, huyện V, tỉnh B về giao cho hàng xóm đơn rồi giao lại cho chị để chị bán định hoàn thiện mặt ghế, sau đó chị giao hàng lại cho bà H2 để bà H2 giao cho xí nghiệp, thu nhập hàng tháng của chị ổn định từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ, có đủ điều kiện nuôi con nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị yêu cầu anh H1 đóng tiền cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh H1 có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V khi đến hạn.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2021, biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2021, trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn - Anh Nguyễn Phước H1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước khi cưới và có đến UBND xã C, huyện V, tỉnh B đăng ký kết hôn ngày 24/4/2017. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một năm. Tới tháng 4/2018 thì bắt đầu mâu thuẫn do vợ chồng anh sống chung với cha mẹ. Chị H và mẹ anh sống không hòa hợp nên thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm

sống cũng như sinh hoạt hàng ngày. Do vợ chồng mới kết hôn, vốn làm ăn, tiền bạc chưa có nhưng chị H luôn muốn mua đất cất nhà ra ở riêng, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kinh cái. Ngoài ra, do công việc của anh là tài xế lái xe chở keo, chở gỗ nên lâu lâu có nhậu chung với bạn bè nhưng chị H tỏ ra khó chịu, thường la mắng nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn đề nghị Tòa giải quyết ly hôn, anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Quốc V, sinh ngày 20/01/2018. Anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho anh nuôi dưỡng vì lý do anh làm nghề lái xe tải chở gỗ keo cho gia đình, có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 10.000.000đ, đủ điều kiện để chăm sóc con chung tốt hơn so với điều kiện của chị H. Gia đình anh cũng khá giả hơn, ba mẹ anh rất thương cháu, trước giờ mẹ anh vẫn chăm sóc, giữ cháu nội để chị H làm công việc đan mây tại nhà. Chị H có công việc nhưng thu nhập thấp, khi làm việc chị H không có thời gian để chăm sóc con được chu đáo. Trong khi đó, gia đình chị H có mẹ cũng đơn chiếc, già yếu và mẹ chị H cũng phải đi làm nên điều kiện chăm sóc con chung không bằng gia đình anh.

Về cấp dưỡng cho con: Anh không yêu cầu chị H đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) như chị H trình bày, anh đã trả được số tiền nợ gốc là 12.000.000đ, còn nợ là 38.000.000đ. Anh chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V khi đến hạn.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2021, trong các biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Anh Trần Đình Tr trình bày:

Ngày 16/02/2019, anh Nguyễn Phước H1 và người thừa kế là chị Trần Thị Ngọc H đồng trú tại thôn Ch, xã C, huyện V, tỉnh B có giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V cho vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sinh sản.

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH, có xác nhận của Chủ tịch UBND xã C. Ngày 21/02/2019, Phòng giao dịch NHCSXH huyện V, tỉnh B phê duyệt và giải ngân cho anh H1 vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thuộc chương trình cho vay hộ cận nghèo để sử dụng vào mục đích chăn nuôi bò sinh sản. Thời hạn vay là 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/3/2022; Lãi suất cho vay: 0,66%/tháng (7,92%/năm). Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (cho vay tín chấp qua Hội phụ nữ xã C, huyện V).

Đến nay, anh Nguyễn Phước H1 và người thừa kế là chị Trần Thị Ngọc H đã trả số tiền nợ gốc là 12.000.000đ, hiện còn nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện V số tiền gốc là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

Anh Tr yêu cầu Toà án nhân dân huyện Vân Canh giải quyết: Người được quyền sở hữu sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản chung của vợ chồng thì phải có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện V. Trường hợp Toà án xét xử phân chia tài sản chung thì trước khi phân chia tài sản buộc vợ chồng anh H1, chị H phải trả hết số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện V. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị H và anh H1 thống nhất thỏa thuận giao cho anh H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên anh đồng ý với thỏa thuận đó. Đề nghị anh H1 có trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi cho Phòng giao dịch NHCSXH huyện V khi đến hạn.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:**

Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H và anh H1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 24/4/2017 nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Chị H và anh H1 đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2018 cho đến nay và thống nhất thuận tình ly hôn. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước H1.

Về con chung: Chị H, anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Trần Quốc V, sinh ngày 20/01/2018. Chị H và anh H1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, xét thấy con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Bên cạnh đó, chị H cũng có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng từ 5.000.000đ đến 6.000.000 đồng, đủ để đảm bảo cuộc sống cho hai mẹ con. Trong khi anh H1 làm nghề lái xe nên có rất ít thời gian để chăm sóc con chung. Do đó, giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nhưng anh H1 không thống nhất. Tuy nhiên, xét thấy anh H1 có công việc và thu nhập ổn định và việc cấp dưỡng nuôi con chung là cần thiết vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H, anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị H, anh H1 thống nhất có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền 50.000.000 đồng, đã trả được số tiền 12.000.000 đồng. Hiện tại còn nợ số tiền 38.000.000 đồng. Các đương sự thống nhất thỏa thuận về việc anh H1 có nghĩa vụ trả số tiền trên khi đến hạn cho Ngân hàng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 38, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ 2014 và Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên:

- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước H1.

- Giao con chung Nguyễn Trần Quốc V cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh H1 về việc anh H1 tự nguyện trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng và tiền lãi khi đến hạn.

- Về án phí DSST: Buộc chị H, anh H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Ch, xã C, huyện V, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước H1 tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã C, huyện V đăng ký kết hôn vào năm 2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H và anh H1 đều thống nhất là trong thời gian chung sống giữa chị H và anh H1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, kéo dài từ tháng 4/2018 đến nay. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H sống không hòa hợp với mẹ chồng, vợ chồng sống không đồng cảm, quan tâm, chia sẻ với nhau và chị H, anh H1 đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên anh chị thuận tình ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước H1.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Trần Quốc V, sinh ngày 20/01/2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị H và anh H1 đều có đủ điều kiện nuôi con nhưng hiện tại con chung còn nhỏ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm con chung mới được 03 năm 06 tháng 20 ngày nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện tại chị H có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Để đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn và phát triển bình thường về tâm, sinh lý. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ nhưng anh H1 không đồng ý cấp dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nên việc chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con là có căn cứ. Theo lời khai của anh H1 và chị H thì hiện tại anh H1 có nghề nghiệp ổn định, thu nhập hàng tháng trên 10.000.000đ. Trong khi đó chi phí hàng tháng để nuôi con thời điểm hiện tại khoảng 4.000.000đ. Vì con chung được giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng $\frac{1}{2}$ chi phí nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H, anh H1 tự nguyện thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về nghĩa vụ trả nợ: Các đương sự đều thống nhất anh H1 và người thừa kế là chị H có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất cho vay là 0,66%/tháng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh H1 đã trả số tiền nợ gốc là 12.000.000đ, hiện tại còn nợ số tiền gốc là 38.000.000đ. Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Phước H1 có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho Ngân hàng khi đến hạn. Đây là ý chí tự nguyện của các bên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.6] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước H1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Trần Quốc V, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Phước H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Trần Quốc V mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh H1 tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cho anh Nguyễn Phước H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V với số tiền nợ gốc là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng) và tiền lãi hàng tháng khi đến hạn.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí cho chị Trần Thị Ngọc H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002291 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Anh Nguyễn Phước H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Hiền;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Duy